TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **724**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Dung.

Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2406/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1974; địa chỉ: Số X Lô Y chung cư C, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Ông **Le Bao C**, sinh năm 1971, quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: Hoa Kỳ.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Bà và ông Le Bao C tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Việt Nam trong khoảng thời gian 02 năm. Đến năm 2018, ông Le Bao C trở về Hoa Kỳ, từ đó, vợ chồng bà mỗi người sinh sống một nơi, cùng với việc giữa hai người có bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn phát sinh làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do hai người không thể thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng phai

nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được; mặc dù đã nhiều lần cùng ông Le Bao C hòa giải nhưng không có kết quả, do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Le Bao C.

Về con chung: Giữa bà và ông Le Bao C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2019 (đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22 tháng 3 năm 2019) bị đơn ông Le Bao C trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015. Trong thời gian hôn nhân, giữa ông và bà T có những mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống hôn nhân trong nhiều năm nay không còn hạnh phúc. Vợ chồng không thể thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, ông không còn tình cảm với bà T, do đó, đề nghị Tòa án xem xét và chấp thuận cho ông và bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Le Bao C, quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều

227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn trong vụ án là ông Le Bao C hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự cùng thừa nhận có mâu thuẫn và không còn thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T và bị đơn ông Le Bao C, hai người đã không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng thiếu sự đồng cảm, chia sẻ với nhau và bất đồng về quan điểm sống, hai người thường xuyên cãi vã. Mặc dù đã cố gắng để hòa giải nhưng không có kết quả, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và bị đơn ông Le Bao C đồng ý ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông Le Bao C không hạnh phúc do mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh và tồn tại trong thời gian dài mà không được giải quyết. Cảnh sống mỗi người một nơi và cả hai cùng thừa nhận vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa thể hiện tình trạng hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và ông Le Bao C cũng đồng ý, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Le Bao C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Le Bao C cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 19, 56, 57, 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn ông Le Bao C. Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Le Bao C cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0045928 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn ông Le Bao C cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn